

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/DS-PT
Ngày: 26- 01-2022
V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Sơn
Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hà
Bà Phạm Thị Minh Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Trường San- Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 và 26 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số:146/2021/TLPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2021; tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số:69/2020/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2021, của Toà án nhân dân huyện PT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:183/2021/QĐPT-DS ngày 26 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1982; cư trú: ấp PMH, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang

Đại diện theo ủy quyền của bà L có ông Lê Hữu Đ, sinh năm 1963; cư trú: ấp T2 (nay ấp ML), thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 18/5/2020)

2. *Bị đơn:* Bà Đặng Thị Th, sinh năm 1965; cư trú: ấp TP, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang

Đại diện theo ủy quyền của bà Th do ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1983; cư trú: phường ML thành phố LX, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 10/7/2020)

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Lê Thị L, sinh năm 1982,

Cư trú: ấp PMH, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang.

3.2. Bà Trương Thị G, sinh năm 1963

Cư trú: ấp PD, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang.

3.3. Bà Biện Thị Kim D, sinh năm 1960

Cư trú: ấp Th-3, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: Bà Đặng Thị Th là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải ông Lê Hữu Đ đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Trúc L trình bày: Bà L là người mua bán lúa nếp, việc mua bán của chị L thường xuyên giao dịch với nhiều người, trong đó có bà Đặng Thị Th. Tuy nhiên, việc giao dịch mua bán lúa nếp theo tập quán của địa phương, bằng uy tín và niềm tin lẫn nhau thông qua điện thoại nhưng phải có người môi giới, xem lúa nếp (coi hàng) trước gọi tắt là Cò nếp; do đó:

Vào ngày 21/11/2016 (âl), bà Lê Thị L1 là người đại diện (gọi tắt là Cò nếp) cho bà Đặng Thị Th có điện thoại cho bà L và nói “ mua giùm nếp giống cho bà Th” và bà L và bà L1 đồng ý thỏa thuận việc mua và bán nếp giống cho bà Th như sau:

Bà L bán cho bà Th (thông qua Cò L1) số lượng nếp giống là: 203 bao X 50kg/1bao = 10.150kg x 9.100đ/1kg = 92.365.000 đồng.

Ngày 21/01/2017 (âl), bà L bán cho bà Th (thông qua Cò L1) số lượng nếp giống nữa là: 387 bao x 50kg/1bao = 19.350kg X 9.000đ/1kg = 174.150.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bà Th mua nếp giống hai đợt là: 266.515.000 đồng (92.365.000đ + 174.150.000đ).

Cả hai lần bán số nếp giống trên bà L giao nếp tại kho của bà L cho Cò L1 và bà Th nhận, bà Th thuê xe tải của ông Nguyễn Trí H chuyên chở từ kho của bà L đến lò sấy của ông L2 tọa lạc tại xã Phú Thọ, khi số nếp giống trên về đến kho ông ba Luân thì bà Đặng Thị Th là người kiểm hàng, nhận hàng và trả tiền xe tải cho ông Nguyễn Trí H.

Hai lần mua bán nếp trên đây tuy chị L với bà Th xác lập thông qua người môi giới là Cò L1, sau đó bà Th gửi tiền cho Cò L1 trả cho bà L 48.515.000 đồng, còn nợ lại tôi 218.000.000 đồng. Số tiền nợ còn lại bà L điện thoại cho bà Th đòi nợ nhiều lần, kể cả bà L cũng gặp trực tiếp bà Th đòi số nợ trên nhiều lần nhưng bà Th hèn hết lần này đến lần khác nhưng đến nay bà Th vẫn không trả cho bà L số tiền nợ trên.

Đến khoảng tháng 3/2017, cũng thông qua Cò L1 và bà G (Cò G) bà Th kêu bán số nếp đã mua của bà L bán lại cho bà Biện Thị Kim D (nhà máy xay lúa

Mai D, tại ấp Thượng 3, thị trấn Phú Mỹ), sau khi bà D mua số nếp này trả tiền cho bà Th thông qua bà G, bà G thông tin cho bà L1, nên bà L1 điện thoại kêu bà L đến nhà bà D nhận tiền từ bà G và bà L đã nhận đủ 218.000.000 đồng.

Tuy nhiên, đến tháng 7/2017 dl bà Th khởi kiện bà D đòi số tiền mua bán nếp là 222.292.000 đồng, sự việc được Tòa án nhân dân huyện PT xét xử tại bản án số 02/2018/DS-ST, ngày 04/01/2018 và Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm tại bản án số 79/DS-PT, ngày 16/4/2018, buộc bà Biện Thị Kim D phải trả cho bà Đặng Thị Th số tiền 222.292.000 đồng.

Do hai bản án đều nhận định nghĩa vụ từng người ở từng giai đoạn mua, bán giao nhận tiền. Hiện nay bà L khởi kiện bà Th để đòi số tiền mua bán lúa nếp còn lại là 218.000.000đ. Do sau khi có bản án phúc thẩm thì bà L, bà L1 bà G và bà D có ký thỏa thuận là bà L trả tất số tiền 218.000.000đ cho bà D, do bà L1 và bà G là người làm công hưởng huê hồng (ăn cò) không phải tới lui nhận tiền rồi giao lại, nên bà L đã trả số tiền 218.000.000đ cho bà D, vì vậy thiệt hại của bà L trên thực tế đã có do đó bà L yêu cầu bà Đặng Thị Th có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền mua nếp giống còn nợ là 218.000.000 đồng và yêu cầu bà Th trả lãi suất chậm trả cho bà L từ ngày 21/01/2017 ãl (nhằm ngày 17/02/2017 dl) cho đến ngày Tòa án xét xử.

Ông Nguyễn Thành T đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Từ trước tới nay bà Th không có thỏa thuận mua bán tài sản gì với chị Nguyễn Thị Trúc L. Việc mua bán là giữa bà Lê Thị L1 với bà L không liên quan gì đến bà Thủy, bà Th không biết việc mua bán diễn ra như thế nào. Nay bà Th không đồng ý theo yêu cầu của bà L, đồng thời yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu để Đình chỉ vụ án theo quy định.

Bà Trương Thị G vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày như sau: vào ngày 21/3/2017 âm lịch bà Th có kêu bán 32.941kg nếp vỏ giá 6.900đồng/kg, thành tiền 227.292.900 đồng và bà đem mẫu nếp đó đưa bà D xem và bà D đồng ý mua số lượng và giá như trên. Bà D đưa tiền cọc 5.000.000 đồng cho bà Th, vì bà là người hướng dẫn để mua nếp cho bà D để được hưởng huê hồng (tiền cò), khi xem nếp của bà Th thì bà có nói là mua nếp dùm cho bà D để hưởng tiền cò của bà D cho, bà có nói với bà D là mua nếp của bà Th. Vì vậy qua ngày hôm sau toàn bộ số nếp trên được chuyển về giao cho bà D tại nhà máy của bà D. Như vậy số tiền còn lại bà D phải trả 222.292.000 đồng và vài ngày sau bà D đưa toàn bộ số tiền đó cho bà để trả dùm cho bà Th, nhưng bà Th điện thoại nói với bà và nhờ bà đưa hết số tiền đó cho bà L1 để bà L1 trả số tiền trước đó mà bà Th mua nếp thiếu của bà L, vì vậy bà đưa toàn bộ số tiền cho bà L1 tại nhà bà D và bà L1 đưa cho bà L 218.000.000 đồng. Sau đó bà Th kiện bà D để đòi số tiền mua bán nếp này, khi làm việc bà cũng khẳng định như trên, sau khi có bản án của Tòa án tỉnh lâu quá không nhớ thời gian có ký giấy thỏa thuận để bà L trả thẳng qua cho bà D khỏi phải trả qua trung gian bà Th và bà;

Chị Lê Thị L1 vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày: Vào ngày 21/11/2016 ãl bà Đặng Thị Th có kêu L1 và nói “Mua giùm nếp giống cho bà Th” chị mới liên hệ với chị L và đồng ý thỏa thuận việc mua và bán nếp giống cho bà Th như sau:

Bà L bán cho bà Th (thông qua L1) số lượng nếp giống là: 203 bao X 50kg/1bao = 10.150kg X 9.100đ/1kg = 92.365.000 đồng.

Ngày 21/01/2017 âl, bà L bán cho bà Th (thông qua L1) số lượng nếp giống nữa là: 387 bao X 50kg/1bao = 19.350kg x 9.000đ/1kg = 174.150.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bà Th mua nếp giống hai đợt là: 266.515.000 đồng (92.365.000đ + 174.150.000đ).

Cả hai lần bán số nếp giống trên bà L giao nếp tại kho của bà L cho bà L1 và bà Th nhận, bà Th thuê xe tải của ông Nguyễn Trí H chuyên chở từ kho của bà L đến lò sấy của ông ba Luân tọa lạc tại xã Phú Thọ, khi số nếp giống trên về đến lò sấy ông ba Luân thì bà Đặng Thị Th là người kiểm hàng, nhận hàng và trả tiền xe tải cho ông Nguyễn Trí H.

Sau đó bà Th thông qua bà G bán lại cho bà Biện Thị Kim D, còn việc mua bán giữa bà Th, bà G, bà D như thế nào chị không biết, đến ngày bà Th phải trả cho bà L, bà có liên hệ với bà Th thì bà Th nói số nếp đó đã bán cho bà D thông qua bà G, đồng thời có gởi cho chị 48.515.000 đồng để trả cho bà L còn lại 218.000.000đ, bà Th nói lấy tiền bên bà G và bà D sẽ trả, sau đó một thời gian không nhớ ngày tháng bà G thông tin cho chị, nên chị đến nhà bà D nhận tiền từ bà G và về giao bà L đủ 218.000.000 đồng. Sau đó bà Th kiện bà D đòi tiền mua bán nếp này khi mời chị làm việc chị cũng khẳng định như nội dung nêu trên, sau khi có bản án của tỉnh xác định nghĩa vụ từng người ở từng giai đoạn mua, bán giao nhận tiền, do chị mua bán ăn cò nên cũng không có liên quan gì đến việc giao nhận trả tiền, lẽ ra chị phải nhận tiền của bà L để trả cho bà G, rồi bà G trả lại cho bà D, nên chúng tôi có ký thỏa thuận không phải trả theo trình tự như 2 bản án nhận định mà để bà L trả trực tiếp số tiền 218.000.000đ cho bà Biện Thị Kim D, chị khẳng định bà L kiện bà Th đòi 218.000.000đ là đúng, vì bà L1 là người trung gian mua bán cho 2 người, chị còn trực tiếp nhận của bà Th 48.515.000đ để trả cho bà L.

Bà Biện Thị Kim D vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày: Bà chỉ biết chứ không có họ hàng quen biết với bà Đặng Thị Th (xã Phú Thọ) và bà Nguyễn Thị Trúc L (xã Phú Thọ), còn việc mua bán thông qua bà Trương Thị G (xã Phú Thạnh) gọi cò G. Việc mua bán giữa bà L với bà Th thông qua bà G và chị L1 ban đầu như thế nào bà không biết, khi bà mua số nếp này cũng thông qua bà Giàu, khi thanh toán tiền bà trả cho bà Giàu, khi đó bà Giàu thông tin bằng điện thoại cho bà L1 cùng bà L đến nhận tiền nếp, sau đó mới biết số nếp đục bà mua là của bà Th, nên khoảng tháng 07/2017 bà Th kiện bà và hai bản án của Tòa án huyện và Tòa án tỉnh nhận định trách nhiệm thanh toán tiền mua bán phân khúc ra từng người và buộc bà phải trả tiền cho bà Th và kiện ngược lại bà G đòi tiền, rồi G kiện L1, L1 kiện bà L đòi tiền lại và L phải kiện bà Th để đòi tiền mua bán. Chúng tôi có ký thỏa thuận để L trả trực tiếp qua cho bà nhưng thời gian không nhớ, sau đó khoảng 30 ngày khoảng tháng 5/2018 thì L mang tiền trực tiếp trả cho bà, lẽ ra phải trả cho L1 hoặc G rồi G trả cho bà, khi trả không có làm biên nhận, bà đã nhận của L 218.000.000đ. Nay yêu cầu bà Th trả cho bà L như bà L yêu cầu.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 69/2021/DS-ST ngày 06/5/2021 của Toà án nhân dân huyện PT đã xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc L đối với bà Đặng Thị Th về “Hợp đồng mua bán tài sản”.

- Buộc bà Đặng Thị Th phải trả cho bà Nguyễn Thị Trúc L số tiền mua bán lúa nếp còn lại là **218.000.000đ** (hai trăm mười tám triệu đồng).

- Đình chỉ yêu cầu đòi tiền lãi chậm trả của bà Nguyễn Thị Trúc L đối với bà Đặng Thị Th.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị Th phải chịu 10.900.000 đồng (mười triệu chín trăm ngàn đồng); bà Nguyễn Thị Trúc L không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Trúc L 5.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006647 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT.

- Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Trúc L có đơn yêu cầu thi hành án, mà bà Đặng Thị Th không thi hành dứt điểm số tiền trên, thì còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thời hạn yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 10/5/2021, bị đơn bà Đặng Thị Th kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm hoặc không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Diễn biến tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; và cam kết không cung cấp chứng cứ mới tại giai đoạn phúc thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn phát biểu ý kiến: Giao dịch tuy không có ký hợp đồng, chỉ thông qua bà Lê, nhưng phù hợp lời khai của bà L1, bà D, bà G, ông Trí H, có biết lấy hàng từ kho của L chở đến lò Sấy của ông Ba Luân, giao cho bà Th cho thấy có việc mua bán giữa bà L bán lúa Nếp cho bà Th và việc bà L1 thừa nhận khi bà Th trả số tiền 48.515.000đ chính bà nhận và ghi vào giấy biên nhận, nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ y án sơ thẩm;

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn phát biểu ý kiến: Về tố tụng do Hội đồng xét xử xem xét quyết định; về nội dung tranh chấp theo Điều 428, 430 Bộ luật dân sự, thì bên bán có nhận tiền, bên mua có nhận hàng; còn trong trường hợp này chỉ thể hiện giao dịch giữa bà L1 với bà Th; biên nhận giao nhận tiền 48.515.000đ cũng do bà L1 nhận; do đó nếu có kiện thì bà L1 kiện bà Th; còn bản án phúc thẩm trước đây có nhận định nếu có chứng cứ thì khởi kiện; chứ không có nghĩa là chấp nhận việc có giao dịch giữa bà L với bà Th; về thời hiệu thì căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn để là cơ sở tính thời hiệu; nên trong vụ này đã hết thời hiệu; về chứng cứ trực tiếp là biên nhận bà L1 có nhận của bà Th 48.515.000đ; nguyên đơn không có bất cứ chứng cứ trực tiếp nào thể hiện có giao dịch mua bán với bà Th; do đó chưa đủ cơ sở để cho rằng có việc

bà Th mua lúa nếp từ bà L; ngay từ đầu bà Th phủ nhận có việc mua bán với bà L; nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các lời khai của người liên quan và người làm chứng có cơ sở xác định giữa bà L và bà Th có giao dịch mua bán lúa nếp; do đó cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới, nên không có cơ sở xem xét; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ y án sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn ông Đặng Thị Th nộp đơn kháng cáo, đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Đương sự bà Lê Thị L1 được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 của Bộ Luật tố tụng Dân sự xét xử theo thủ tục chung.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn cùng chứng cứ, lời khai của các đương sự thì thấy; bà L cho rằng có giao dịch mua bán Nếp cho bà Th, nhưng tất cả đều thông qua “cò L1”; và xác định từ khi mua bán lúa nếp đến khi giao dịch hoàn thành đều thông qua bà L1; còn bà Th không thừa nhận có mua bán lúa nếp với bà L; bà L1 khai mua dùm cho bà Th; ông Nguyễn Trí H, Nguyễn Tấn T trình bày có nhận chở Nếp từ kho bà L đến lò sấy của ông Ba Luân; tại kho có mặt bà Th cùng bà L1 kiểm đếm hàng và bà Th trả tiền thuê xe vận chuyển. Tuy nhiên, các lời khai này cũng không đủ cơ sở để xác định rằng có sự giao dịch giữa bà L với bà Th; bởi vì cũng có thể là L1 mua từ bà L rồi kêu xe chở lại lò sấy để bán sang cho bà Th và khi bà Th trả tiền 48.515.000đ thì chính bà L1 nhận và ghi giấy biên nhận; còn việc bà L1 có đưa tiền lại cho bà L hay không hoàn toàn không ai biết; không có chứng cứ chứng minh; ngay từ đầu bà Th hoàn toàn phủ nhận không có giao dịch mua bán với bà L thông qua “cò L1”

[3.1] Tại thời điểm giao kết hợp đồng (năm 2016, 2017) Bộ luật dân sự 2015, đang có hiệu lực đã quy định rõ giao dịch mua bán nếp là hợp đồng mua bán tài sản, đối tượng là nếp. Theo đó, luật ràng buộc trách nhiệm trực tiếp của người tham gia giao kết hợp đồng mua bán cũng như người làm trung gian (nếu có) một cách chặt chẽ, tương ứng với quyền, nghĩa vụ các bên; không thể diễn văn tập quán bán lúa Nếp tại địa phương để làm căn cứ cho rằng tất cả giao dịch đều thông qua “Cò”, mới mua bán được;

[3.2] Tại phiên tòa đại diện cho bị đơn cho rằng bà L1 mua lúa Nếp của bà L rồi mới bán lại cho nhiều người trong đó có bà Th. Nên trong vụ án này, bà L1 là người liên quan trực tiếp mua bán với bà Th; nếu bà Th không trả tiền thì bà L1 có quyền tranh chấp với bà Th; chứ bà L không có quyền khởi kiện bà Th;

[4] Từ phân tích trên cho thấy, cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào chứng cứ gián tiếp để xác định có việc mua bán giữa bà L với bà Th là chưa đủ cơ sở pháp lý để xem xét; do đó, kháng cáo của bị đơn bà Th có cơ sở để chấp nhận; quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị giữ y án là chưa đủ cơ sở vững chắc, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận;

[5] Đối với kháng cáo của bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu thì thấy, do ngay từ đầu bị đơn không thừa nhận có hợp đồng mua bán với nguyên đơn; và không có bất cứ điều khoản nào thể hiện có sự giao dịch giữa bà L với bà Thủy, bà L khai nhiều lần điện thoại cho bà Th để đòi tiền, nhưng không có gì chứng minh; tất cả lời khai của đương sự đều cho thấy không thể hiện thời hạn thanh toán hợp đồng; cấp sơ thẩm không áp dụng thời hiệu là có căn cứ; bị đơn kháng cáo yêu cầu áp dụng thời hiệu không được chấp nhận;

[6] Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 10.900.000 đồng (Mười triệu chín trăm ngàn đồng); được trừ vào số tiền 5.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006647 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT; như vậy bà L còn phải nộp thêm 5.400.000đ;

[7] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 2 điều 148; điều 296 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 430, khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị Th.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số:69/2021/DS-ST ngày 06/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện PT đã xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc L đối với bà Đặng Thị Th về việc yêu cầu bà Đặng Thị Th phải trả cho bà Nguyễn Thị Trúc L số tiền mua bán lúa nếp còn lại là 218.000.000đ (Hai trăm mười tám triệu đồng).

- Đình chỉ yêu cầu đòi tiền lãi chậm trả của bà Nguyễn Thị Trúc L đối với bà Đặng Thị Th;

- Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 10.900.000 đồng (mười triệu chín trăm ngàn đồng); được trừ vào số tiền 5.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006647 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT; như vậy bà L còn phải nộp thêm 5.400.000đ;

- Án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Đặng Thị Th được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0003934 ngày 14/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PT;

Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành số tiền lãi theo qui định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- VKSND.AG (1)
- TAND huyện (1)
- THA huyện (1).
- Toà Dân sự (2)
- Văn phòng.(1)
- Phòng KTNV & THA (1)
- Dương sự “ Đề thi hành ”
- Lưu: HS.

Nguyễn Văn Sơn